

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I-
MÔN LỊCH SỬ 11**

NĂM HỌC (2023-2024)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm) HS ôn tập từ bài 1 đến hết bài 5

Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản

Câu 1. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tiền đề về kinh tế của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại?

A. Chế độ phong kiến chuyên chế hoặc chế độ thuộc địa kìm hãm kinh tế tư bản chủ nghĩa.

A. Chế độ phong kiến chuyên chế hoặc chế độ thuộc địa kìm hãm kinh tế tư bản chủ nghĩa.

C. Sự cai trị của chính quốc đối với thuộc địa đã thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa ra đời đồng thời với sự xác lập của chế độ phong kiến chuyên chế.

Câu 2. Ở Anh, vào cuối thế kỉ XV - đầu thế kỉ XVI, sự xâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào nông nghiệp được biểu hiện rõ nét thông qua phong trào nào sau đây?

A. “Phát triển ngoại thương”.

B. “Phát kiến địa lí”.

C. “Rào đất cướp ruộng”.

D. “Cách mạng Xanh”.

Câu 3. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về tiền đề chính trị của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại?

A. Chính sách cai trị của nhà nước phong kiến chuyên chế, thực dân gây bất mãn cho nhân dân.

B. Sự tồn tại của nhà nước quân chủ lập hiến gây bất mãn cho giai cấp tư sản và quý tộc mới.

C. Mâu thuẫn dân tộc gay gắt giữa nhân dân thuộc địa với chính quyền thực dân xâm lược.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản, quý tộc mới với nhân dân lao động ngày càng sâu sắc.

Câu 4. Sự bùng nổ cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (cuối thế kỉ XVIII) xuất phát từ tiền đề chính trị nào sau đây?

A. Chính sách cai trị của nhà nước quân chủ lập hiến đã xâm phạm quyền lợi của tư sản.

B. Sự tồn tại của nhà nước phong kiến chuyên chế gây bất mãn cho quần chúng nhân dân.

C. Chế độ cai trị của thực dân Anh đã gây bất bình cho nhân dân các thuộc địa ở Bắc Mỹ.

D. Sự tồn tại của chế độ nô lệ (ở miền Nam) đã kìm hãm sự phát triển của kinh tế Bắc Mỹ.

Câu 5. Ở Anh, vào cuối thế kỉ XV - đầu thế kỉ XVI, sự xâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào nông nghiệp đã dẫn đến sự ra đời của tầng lớp nào?

A. Quý tộc phong kiến.

B. Quý tộc mới.

C. Chủ nô.

D. Nông nô.

Câu 6. Lực lượng nào sau đây thuộc Đảng cấp thứ nhất trong xã hội Pháp (cuối thế kỉ XVIII)? (A B D là đảng cấp thứ 3)

A. Giai cấp tư sản.

B. Nông dân.

C. Tầng lớp Giáo hội.

D. Bình dân thành thị.

Câu 7. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (cuối thế kỉ XVIII) bùng nổ trên cơ sở tiền đề xã hội nào sau đây?

A. Mâu thuẫn giữa quần chúng nhân dân với các thế lực phong kiến chuyên chế.

B. Mâu thuẫn giữa đảng cấp thứ ba với đảng cấp Tầng lớp Giáo hội và Quý tộc.

C. Mâu thuẫn dân tộc giữa nhân dân thuộc địa với chính quyền thực dân xâm lược.

D. Mâu thuẫn giai cấp giữa quý tộc phong kiến với nông dân và bình dân thành thị.

Câu 9. Ở Pháp, nền tảng của hệ tư tưởng dân chủ tư sản chính là (có 3 nhân vật)

A. Cải cách tôn giáo.

B. Văn hóa Phục hưng.

C. thuyết Kinh tế học cổ điển.

D. Triết học Ánh sáng.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không phản ánh đúng** ý nghĩa của trào lưu Triết học Ánh sáng ở Pháp (thế kỉ XVIII)?

A. củng cố hệ tư tưởng của chế độ phong kiến.

B. Dọn đường cho

cách mạng tư sản Pháp bùng nổ.

C. Tấn công vào hệ tư tưởng của chế độ phong kiến. D. Thúc đẩy cách mạng tư sản Pháp phát triển đi lên.

Câu 12. Các cuộc cách mạng tư sản đều hướng tới thực hiện mục tiêu nào sau đây?

A. Xây dựng nhà nước pháp quyền và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tự nhiên.

B. Xóa bỏ những trở ngại trên con đường xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

C. Thiết lập nền chuyên chính vô sản, đưa nhân dân lao động lên nắm chính quyền.

D. Duy trì, bảo vệ và củng cố nền cai trị của nhà nước phong kiến chuyên chế.

Câu 13. Nhiệm vụ dân chủ của các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại là gì?

A. Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ.
trường dân tộc.

B. Thống nhất thị

C. Xóa bỏ tính chất chuyên chế phong kiến.
gia dân tộc.

D. Hình thành quốc

Câu 14. Trên lĩnh vực kinh tế, mục tiêu cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản là thúc đẩy sự phát triển của

A. kinh tế hàng hóa.

B. kinh tế tự nhiên.

C. cơ chế kế hoạch hóa.

D. cơ chế quan liêu bao cấp.

Câu 15. Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) đặt dưới sự lãnh đạo của

A. giai cấp tư sản và quý tộc mới.

B. giai cấp tư sản và chủ nô.

C. giai cấp tư sản.

D. giai cấp vô sản.

Câu 17. Một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu của cuộc Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) là

A. Ô. Crôm-oen.

B. G. Oa-sinh-ton(Mỹ) .

C. M.

Rô-be-spie.(Pháp)

D. V.I. Lê-nin.

Câu 18. Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) đã đạt được kết quả nào sau đây?

A. Lật đổ sự thống trị của thực dân của Anh, giành độc lập dân tộc.

B. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xây dựng nền cộng hòa dân chủ.

C. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

D. Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ; thống nhất lãnh thổ, thị trường dân tộc.

Câu 19. Cuộc Cách mạng tư sản Pháp (thế kỉ XVIII) đã đạt được kết quả nào sau đây?

A. Lật đổ sự thống trị của thực dân của Anh, giành độc lập dân tộc.

B. Bảo vệ độc lập dân tộc trước sự nhòm ngó của thực dân phương Tây.

C. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

D. Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xây dựng nền cộng hòa dân chủ.

Câu 20. Điểm tương đồng giữa Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp là gì?

A. Giai cấp tư sản độc quyền lãnh đạo cách mạng.

B. Mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

C. Sau cách mạng, chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập.

D. Sử dụng tôn giáo cải cách làm “ngọn cờ” tập hợp lực lượng.

Câu 21. Khi soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập cho nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn một phần nội dung trong bản tuyên ngôn nào dưới đây?

A. Tuyên ngôn Độc lập (Mỹ, 1776)

B. Tuyên ngôn hòa bình (Ấn Độ, 1920).

C. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848).

D. Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ (Mỹ, 1862).

Câu 22. Khẩu hiệu nổi tiếng nào dưới đây có nguồn gốc từ cuộc Cách mạng tư sản Pháp (cuối thế kỉ XVIII)?

A. “Độc lập - Tự do - hạnh phúc”.

B. “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.

C. “Tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình”.

D. “Thông nhất hoàn toàn hay là chết?”.

Câu 23. Đọc đoạn tư liệu dưới đây và trả lời câu hỏi:

Tư liệu: “*Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kì thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì áp bức thuộc địa*” (Hồ Chí Minh Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.314).

Câu hỏi: Nhận định trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề nào của các cuộc cách mạng tư sản?

A. Tiền đề của cách mạng.

B. Mục tiêu của cách mạng.

C. Động lực của cách mạng.

D. Hạn chế của cách mạng.

Câu 24. “Xây dựng nhà nước pháp quyền, là nhà nước dân chủ tư sản, dựa trên việc quản lí đất nước bằng pháp luật” - đó là mục tiêu cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản trên lĩnh vực

A. kinh tế.

B. chính trị.

C. văn hóa.

D. giáo dục.

Câu 25. Lực lượng nào giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (cuối thế kỉ XVIII)?

A. giai cấp tư sản và quý tộc mới.

B. giai cấp tư sản và chủ nô.

C. giai cấp tư sản.

D. giai cấp vô sản.

Bài 2 : Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản

Câu 1. Nửa sau thế kỉ XVII, chủ nghĩa tư bản được xác lập ở

- A. Hà Lan và Anh. B. I-ta-lia-a và Đức. C. Anh và Bắc Mỹ.
D. Pháp và Bắc Mỹ.

Câu 2. Cuộc cách mạng tư sản nào đã đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở ngoài châu Âu?

- A. Nội chiến ở Anh (thế kỉ XVII).
B. Đại cách mạng Pháp (thế kỉ XVIII).
C. Đấu tranh thống nhất nước Đức (thế kỉ XIX).

D. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII).

Câu 3. Vào cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX, đời sống kinh tế - xã hội của các nước Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ có sự chuyển biến to lớn, do tác động của

- A. cách mạng 4.0. B. cách mạng nhung.
C. cách mạng công nghiệp. D. cách mạng công nghệ.

Câu 4. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn

- A. tự do cạnh tranh. B. đế quốc chủ nghĩa.
C. chủ nghĩa tư bản hiện đại. D. chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Câu 5. Chủ nghĩa đế quốc là hệ quả trực tiếp của quá trình xâm lược thuộc địa nhằm

- A. tìm kiếm thị trường, thu lợi nhuận và đầu tư tư bản ở nước ngoài.
B. giúp đỡ kinh tế và khai hóa văn minh cho các nước chậm phát triển.
C. di dân sang các nước chậm phát triển, giải quyết khủng hoảng dân số.
D. thúc đẩy sự giao lưu kinh tế và văn hóa giữa các quốc gia, dân tộc

Câu 6. Cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản (bắt đầu từ năm 1868) mang tính chất của một cuộc cách mạng tư sản, diễn ra dưới hình thức

- A. nội chiến cách mạng. B. cải cách, canh tân đất nước.
C. chiến tranh giành độc lập. D. đấu tranh thống nhất đất nước.

Câu 7. Đến năm 1914, thuộc địa của đế quốc Anh đã

- A. chiếm 1/5 diện tích và 1/5 dân số thế giới. B. gấp 3 lần thuộc địa của đế quốc Pháp.

C. bị thu hẹp, chỉ còn các thuộc địa ở châu Phi. D. gấp 4 lần thuộc địa của đế quốc Đức.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không phản ánh đúng** ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị đối với Nhật Bản?

A. Giúp Nhật Bản được tránh nguy cơ xâm lược từ các nước thực dân phương Tây.

B. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, đưa tới sự xác lập của chế độ cộng hòa.

C. Thúc đẩy kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ theo hướng tư bản chủ nghĩa.

D. Đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến trở thành một nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 9. Trong những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, cùng với việc các nước đế quốc đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã

A. được xác lập ở châu Âu và khu vực Bắc Mỹ. B. được xác lập ở các quốc gia: Pháp, Đức, I-ta-li-a,...

C. mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới. D. suy yếu và bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng.

Câu 10. Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự kiện nào dưới đây đã góp phần mở rộng phạm vi của chủ nghĩa tư bản ở khu vực châu Á?

A. Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thành công. B. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

C. Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thành công. D. Duy tân Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc thành công.

Câu 11. Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII. B. Cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX.

C. Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. D. Cuối thế kỉ XX - đầu thế kỉ XXI.

Câu 12. Hình thức tiêu biểu của các tổ chức độc quyền ở Mỹ vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, là

A. các-ten.(Đức) B. xanh-đi-ca.(pháp) C. tơ-rót.

D. công-xooc-xi-om.(Mỹ)

Câu 13. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về các tổ chức độc quyền ở các nước tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Là sự liên minh giữa các nhà tư bản lớn để tập trung sản xuất hoặc tiêu thụ hàng hóa.

B. Tạo cơ sở cho bước chuyển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.

C. Đánh dấu chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn độc quyền sang tự do cạnh tranh.

D. Tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, như: các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rốt,...

Câu 14. Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản đế quốc là sự xuất hiện của tầng lớp

A. tư bản công nghiệp.

B. tư bản ngân hàng.

C. tư bản tài chính.

D. tư bản nông nghiệp.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc?

A. Sự dung hợp tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp thành tư bản tài chính.

B. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và cao hơn là độc quyền xuyên quốc gia.

C. Lực lượng lao động có những chuyển biến về cơ cấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. Có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.

Câu 17. Chủ nghĩa tư bản hiện đại là thuật ngữ dùng để chỉ một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản từ

A. sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

B. nửa sau thế kỉ XVII

đến cuối thế kỉ XIX.

C. sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.

D. cuối thế kỉ XIX đến

đầu thế kỉ XX.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **phản ánh đúng** về các tổ chức độc quyền ở các nước tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Có khả năng chi phối sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế ở các nước tư bản.

B. Đánh dấu chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn độc quyền sang tự do cạnh tranh.

C. Không có khả năng chi phối đời sống kinh tế - chính trị của các nước tư bản.

D. Chỉ hình thành các liên kết ngang giữa những xí nghiệp trong cùng một ngành kinh tế.

Câu 19. Nội dung nào sau đây **phản ánh đúng** đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Sự dung hợp tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp thành tư bản tài chính.

B. Xuất hiện các tổ chức độc quyền có vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế.

C. Có sức sản xuất cao dựa trên thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.

D. Các cường quốc tư bản lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới.

Câu 20. Một trong những đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc là

A. sự hình thành những khối liên minh tư bản độc quyền chia nhau thế giới.

B. chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và cao hơn là độc quyền xuyên quốc gia.

C. lực lượng lao động có những chuyển biến về cơ cấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

D. có sức sản xuất phát triển cao trên cơ sở thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ.

Câu 21. Một trong những tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại là

A. thu hẹp được khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội.

B. giải quyết một cách triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội.

C. có bề dày kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế.

D. hạn chế và tiến tới xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội.

Câu 22. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Tiềm ẩn những nguy cơ khủng hoảng mang tính toàn cầu.

B. Các thiết chế dân chủ vẫn còn nhiều vấn đề bất ổn.

C. Phải đối mặt với nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống.

D. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn yếu kém.

Câu 23. Một trong những thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại là

A. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu kém.

B. Thiếu khả năng tự điều chỉnh và thích nghi với bối cảnh mới.

C. phải đối mặt với nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống.

D. Thiếu kinh nghiệm và phương pháp quản lí kinh tế.

Câu 24. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại?

A. Thu hẹp được khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội.

B. Giải quyết một cách triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội.

C. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội.

D. Có được những nguồn lực quan trọng từ xu thế toàn cầu hóa.

Câu 25. Phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước tư bản đã cho thấy chủ nghĩa tư bản hiện đại đang phải đối mặt với thách thức nào sau đây?

A. Gia tăng tình trạng chênh lệch giàu - nghèo và bất bình đẳng xã hội.

- B. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu kém.
- C. Thiếu khả năng tự điều chỉnh và thích nghi với bối cảnh mới.
- D. Thiếu kinh nghiệm và phương pháp quản lý kinh tế.

Bài 3 : Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết

Câu 1. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917), nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là

A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới của những người lao động.

B. huy động tối đa nhân tài, vật lực để phục vụ cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

C. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và bảo vệ Tổ quốc.

D. ban hành Hiến pháp mới và chiến đấu chống “thù trong giặc ngoài”.

Câu 2. Đại hội Xô viết toàn Nga lần Thứ hai, khai mạc đêm 25/10/1917 đã

A. ban hành “Chính sách Cộng sản thời chiến”.

B. phát động cuộc chiến đấu chống “thù trong giặc ngoài”.

C. thông qua “Chính sách kinh tế mới” do Lê-nin soạn thảo.

D. tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu.

Câu 4. Khi mới thành lập, Liên Xô gồm 4 nước Cộng hoà Xô viết là

A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Lít-va.

B. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.

C. Nga, U-crai-na, Môn-đô-va và Lát-vi-a.

D. Nga, U-crai-na, Tuốc-mê-nix-tan và Ác-mê-ni-a.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không phải** là tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Sự bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc.

B. Quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc.

C. Xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.

D. Dùng bạo lực để xây dựng nền chuyên chính vô sản.

Câu 8. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu mốc hoàn thành của quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Nước Nga Xô viết thực hiện chính sách kinh tế mới (tháng 3/1921).

B. Bản Hiệp ước Liên bang được thông qua (tháng 12/1922).

C. Tuyên ngôn thành lập Liên bang Xô viết được thông qua (tháng 12/1922).

D. Bản Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua (tháng 1/1924).

Câu 9. Sự ra đời của chính quyền Xô viết ở Nga gắn liền với sự kiện nào sau đây?

A. Cách mạng tháng Hai ở Nga thành công (1917).

B. Cách mạng tháng Mười ở Nga thành công (1917).

C. Chính sách Cộng sản thời chiến được ban hành (1919).

D. Chính sách Kinh tế mới (NEP) được ban hành (1921).

Câu 11. Mục tiêu của việc thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là

A. chống lại sự tấn công của 14 nước đế quốc.

B. thực hiện hiệu

quả Chính sách Kinh tế mới.

C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.

D. chống lại cuộc

tấn công của phát xít Đức.

Câu 17. Đối với Liên Xô, sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

B. Chứng minh tính khoa học, đúng đắn của học thuyết Mác - Lênin.

C. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa.

D. Để lại bài học kinh nghiệm về mô hình nhà nước sau khi giành chính quyền.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết đối với Liên Xô?

A. Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên đất nước Xô viết.

B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

C. Củng cố và tăng cường vị thế của Liên Xô trên trường quốc tế.

D. Tạo điều kiện để các nước cộng hòa phát triển kinh tế - xã hội.

Bài 4 : Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

Câu 1. Trong những năm 1944 -1945, điều kiện khách quan thuận lợi nào đã thúc đẩy nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân?

A. Phát xít Đức chuyển hướng tấn công sang đánh chiếm các nước ở Bắc Âu và Tây Âu.

B. Sự viện trợ về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa như: Liên Xô, Trung Quốc,...

C. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.

D. Phe Đồng minh suy yếu, liên tục thất bại và buộc phải rút khỏi mặt trận Đông Âu.

Câu 2. Trong những năm 1945 -1949, các nước Đông Âu đã hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân thông qua việc tiến hành nhiều chính sách tiến bộ, **ngoại trừ** việc

- A. tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. B. quốc hữu hóa các nhà máy, xí nghiệp của tư bản.
C. ban hành các quyền tự do, dân chủ. D. cải cách ruộng đất.

Câu 3. . Năm 1949, Trung Quốc đã

- A. lâm vào suy thoái, khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế - xã hội.
B. lựa chọn con đường phát triển đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa.
C. tiến hành cải cách mở cửa để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
D. hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Câu 4. Từ năm 1961, Cu-ba

- A. bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội. B. phá bỏ được sự bao vây, cấm vận của Mỹ.
C. bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ. D. tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

Câu 5. Từ nửa cuối những năm 70 -đầu những năm 80 của thế kỉ XX, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô

- A. bước vào giai đoạn phát triển đỉnh cao.
B. ra đời và bước đầu đạt được nhiều thành tựu.
C. lâm vào suy thoái, khủng hoảng trên nhiều lĩnh vực.
D. tiến hành cải cách, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không phản ánh đúng** nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô?

- A. Phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng trong quá trình thực hiện cải cách, cải tổ.
B. Chế độ xã hội chủ nghĩa không phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.
C. Không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học -công nghệ.
D. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng những bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

- A. Cảnh giác trước âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch.
B. Coi trọng việc nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học -công nghệ.

C. Lấy cải tổ về chính trị - tư tưởng làm trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước.

D. Thực hiện đường lối lãnh đạo đúng đắn, phù hợp với tình hình đất nước và thế giới.

Câu 8. Thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba từ năm 1991 đã chứng minh

A. sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động.

B. chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.

C. chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển và mở rộng về không gian địa lí.

D. chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống trên phạm vi thế giới.

Câu 9. Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước châu Á, khu vực Mỹ La-tinh là cơ sở để khẳng định

A. con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

B. chủ nghĩa xã hội ngày càng phát triển và mở rộng về không gian địa lí.

C. chủ nghĩa tư bản không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.

D. chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống trên phạm vi thế giới.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không phản ánh đúng** thành tựu mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay)?

A. Xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

B. Xây dựng được nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

C. Trở thành quốc gia thứ 3 trên thế giới có tàu đưa con người bay vào vũ trụ.

D. Vai trò và vị thế quốc tế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không phản ánh đúng** thành tựu mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong công cuộc cải cách mở cửa (từ năm 1978 đến nay)?

A. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao.

B. Xây dựng được nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp.

C. Trung Quốc vươn lên trở thành nền kinh tế có quy mô lớn thứ hai thế giới.

D. Nền giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ.

Câu 12. Nội dung nào **không** phản ánh đúng đường lối trong công cuộc cải cách - mở cửa ở Trung Quốc (từ 1978 - nay)?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

B. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

C. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.

D. Xóa bỏ cơ chế kế hoạch quá, quan liêu, bao cấp.

Bài 5 : Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không phản ánh đúng** nguyên nhân các nước thực dân phương Tây đẩy mạnh xâm lược Đông Nam Á?

A. Tư bản phương Tây có nhu cầu cao về nguyên liệu, nhân công, thị trường.

B. Đông Nam Á có vị trí quan trọng trong tuyến đường giao thương trên biển.

C. Kinh tế của các nước tư bản phương Tây đang bị Đông Nam Á cạnh tranh.

D. Khu vực Đông Nam Á có tài nguyên phong phú, nguồn nhân công dồi dào.

Câu 2. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng thủ đoạn mà các nước tư bản phương Tây sử dụng trong quá trình xâm nhập, xâm lược vào khu vực Đông Nam Á?

A. Khống chế chính trị, ép kí hiệp ước bất bình đẳng.
hoạt động buôn bán, truyền giáo.

B. Sử dụng

C. Truyền bá học thuyết “Đại Đông Á”.

D. Dùng vũ

lực để thôn tính đất đai.

Câu 3. Quá trình xâm lược của thực dân phương Tây diễn ra trong bối cảnh phần lớn các nước Đông Nam Á

A. mới được hình thành.

B. đang là thuộc địa

của Trung Hoa.

C. đang ở giai đoạn phát triển đỉnh cao.

D. bước vào thời kì suy

thoái, khủng hoảng.

Câu 4. Có nhiều nguyên nhân thúc đẩy thực dân phương Tây xâm lược các nước Đông Nam Á hải đảo, **ngoại trừ** việc khu vực này

A. có nguồn hương liệu và hàng hóa phong phú.

B. có nguồn tài nguyên phong phú, dân cư đông đúc.

C. là địa điểm bắt đầu của “con đường tơ lụa trên biển”.

D. nằm trên tuyến đường biển nối liền phương Đông và phương Tây.

Câu 5. Trong các thế kỉ XV - XVI, những thế lực thực dân nào đã cạnh tranh ảnh hưởng ở In-đô-nê-xi-a?

A. Anh và Pháp. B. Anh và Mỹ. C. Bồ Đào Nha và Hà Lan.

D. Hà Lan, Anh và Mỹ.

Câu 6. Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á vẫn giữ được độc lập là

A. Việt Nam. B. Xiêm. C. Mi-an-ma. D.

In-đô-nê-xi-a.

Câu 7. Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, thực dân Anh đã cơ bản hoàn thành quá trình xâm lược các quốc gia nào ở Đông Nam Á?

A. Việt Nam và Cam-pu-chia. B. Mi-an-ma và Ma-lai-xi-a.

C. Phi-líp-pin và Mi-an-ma. D. In-đô-nê-xi-a và Lào.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tình hình chính trị ở các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

A. Chính quyền thực dân thi hành chính sách “chia để trị”.

B. Triều đình phong kiến đầu hàng, lệ thuộc vào chính quyền thực dân.

C. Quan lại thực dân cai trị ở địa phương; cử người bản xứ cai quản trung ương.

D. Quan lại thực dân cai trị ở trung ương; cử người bản xứ cai quản địa phương.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **phản ánh đúng** chính sách cai trị trên lĩnh vực chính trị của thực dân phương Tây ở các nước Đông Nam Á?

A. Tiêu diệt các thế lực phong kiến địa phương để thôn tóm quyền hành.

B. Để cho người bản xứ nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ máy cai trị.

C. Đàn áp các cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Đông Nam Á.

D. Không cho phép người bản xứ tham gia vào bộ máy hành chính.

Câu 10. Trong quá trình cai trị Đông Nam Á, thực dân phương Tây chú trọng phát triển hệ thống giao thông vận tải, nhằm

A. truyền bá văn hóa, khai hóa văn minh cho cư dân trong khu vực.

B. hỗ trợ các nước trong khu vực khôi phục và phát triển nền kinh tế.

C. nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân Đông Nam Á.

D. phục vụ các chương trình khai thác thuộc địa và mục đích quân sự.

Câu 11. Những lực lượng xã hội nào mới xuất hiện ở các nước Đông Nam Á do tác động từ chính sách cai trị của thực dân phương Tây?

A. Nông dân, thợ thủ công, thương nhân.

B. Nho sĩ phong kiến, tư sản dân tộc, trí thức mới.

C. Tư sản dân tộc, trí thức mới, tiểu tư sản, công nhân.

D. Công nhân, nông dân, địa chủ phong kiến, trí thức nho học.

PHẦN II: TỰ LUẬN 3Đ

- Nội dung bài 2 - Câu 2đ

- **Nội dung bài 4- câu 1 đ**